

TỪ HÁN VIỆT

I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS :

- Hiểu được thế nào là yếu tố Hán Việt.
- Nắm được cách cấu tạo đặc biệt của từ ghép Hán Việt.

II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Ở lớp 6, trong tiết *Từ mượn* đã sơ bộ giới thiệu cho HS biết thế nào là từ Hán Việt : Từ Hán Việt là từ mượn tiếng Hán.

Đối với cấp THCS, một định nghĩa đơn giản như vậy là phù hợp với trình độ HS. Nhưng GV thì phải hiểu biết sâu sắc hơn, đầy đủ hơn về khái niệm từ Hán Việt. Từ Hán Việt là từ gốc Hán nhưng *không phải mọi từ gốc Hán đều là từ Hán Việt*. Trong lớp từ gốc Hán cần phân biệt ba loại từ khác nhau :

a) Từ gốc Hán mượn ở thời kì Bắc thuộc, qua quá trình phát triển lịch sử đã được Việt hoá, như : *buồng, bướm, bùa, búa, bay, mùa, mong, chè, chém, múa, mùi, xe, ...* Có người gọi loại từ này là từ *cổ Hán Việt* hoặc *tiền Hán Việt*.

b) Từ Hán Việt là từ gốc Hán (mượn từ sau thời kì Bắc thuộc (thế kỉ X) cho đến ngày nay) phát âm theo cách đọc Hán Việt. Cách đọc Hán Việt là cách đọc chữ Hán của người Việt Nam dựa trên cơ sở hệ thống ngữ âm tiếng Hán thời trung đại, chịu ảnh hưởng của hệ thống ngữ âm tiếng Việt, dần dần ổn định và được bảo tồn cho đến ngày nay.

c) Từ gốc Hán mượn từ tiếng địa phương Trung Quốc (phương ngữ Hán) qua con đường khẩu ngữ, như : *sủi cảo, vằn thắn, đậu phụ, mì chính, ...*

Như vậy là khái niệm từ gốc Hán rộng hơn khái niệm từ Hán Việt. Sự phân biệt như trên chỉ cần GV nắm vững, không cần thiết phải truyền đạt cho HS.

Có người muốn hướng dẫn HS đúng về mặt ngữ âm, cấu tạo từ để nhận diện từ Hán Việt. Theo chúng tôi là không cần thiết. Muốn biết một từ nào đó có phải là từ Hán Việt hay không chỉ cần tra từ điển từ Hán Việt là được giải đáp.

2. Từ Hán Việt được cấu tạo bằng yếu tố Hán Việt. "Yếu tố" tức là "tiếng dùng để tạo nên từ" (Số dĩ ở đây không gọi là "tiếng" vì trong tiếng Việt từ *tiếng* có hai nghĩa. *Tiếng* còn có nghĩa là "ngôn ngữ" (*tiếng Việt, tiếng Lào, tiếng Hán, ...*). Nếu dùng *tiếng Hán Việt* thì dễ gây ra hiểu lầm). Yếu tố Hán Việt là đơn vị một âm tiết. Mỗi yếu tố Hán Việt tương ứng với một chữ Hán. Có nhiều yếu tố Hán Việt được dùng độc lập như một từ (từ một yếu tố) như : *hoa (bông hoa), đầu (cái đầu), đậu (cây đậu), học, lợi, hại, cao, số, lượng, ...* Những yếu tố này đã được Việt hoá hoàn toàn nên chỉ có những người có vốn kiến thức Hán học mới nhận ra đó là yếu tố Hán Việt. Ngoài ra cũng có một bộ phận khá lớn các yếu tố Hán Việt không dùng độc lập như một từ mà làm yếu tố cấu tạo từ ghép như *thủy* (nước), *son* (núi), *thiên* (trời), *địa* (đất), *ái* (yêu), *ố* (ghét), ... Loại yếu tố này người Việt dễ dàng nhận ra tính chất ngoại lai của chúng. Hiểu được nghĩa của yếu tố Hán Việt sẽ góp phần hiểu nghĩa của từ Hán Việt. Đối với người Việt Nam thì vấn đề khó khăn là hiểu được nghĩa của loại yếu tố thứ hai này.

Trong tiếng Việt có khoảng 3000 yếu tố Hán Việt. Theo chương trình, ở THCS chỉ học 200 yếu tố rải đều trong bốn năm, trung bình mỗi năm học 50 yếu tố.

3. Về từ ghép Hán Việt, với một tiết học về từ Hán Việt không thể trình bày chi tiết cấu tạo của từ ghép Hán Việt mà chỉ dạy cho HS hiểu được cấu tạo của từ ghép Hán Việt qua sự so sánh với từ ghép thuần Việt.

III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

1. Giới thiệu bài

Mở đầu, GV nêu rõ : Ở lớp 6, chúng ta đã biết thế nào là từ Hán Việt. Ở bài này, chúng ta sẽ tìm hiểu về đơn vị cấu tạo từ Hán Việt và từ ghép Hán Việt.

2. Tiến trình tổ chức các hoạt động

Hoạt động 1. Tìm hiểu về đơn vị cấu tạo từ Hán Việt.

Tài liệu để gợi ý dẫn vấn đề là bài thơ chữ Hán *Nam quốc sơn hà* mà HS đang học ở phần Văn bản. Tất nhiên có những từ trong bài thơ này không phải là từ Hán Việt vì chúng không được tiếp nhận vào tiếng Việt, như các từ *tiệt nhiên, nhữ đấng, ...* nhưng trong bài thơ này cũng có nhiều từ Hán Việt chúng ta có thể dựa vào để gợi ý dẫn HS.

Câu 1 gợi cho HS hiểu *Nam quốc* và *sơn hà* là hai từ Hán Việt. Các tiếng để tạo nên hai từ này đều có nghĩa (nghĩa của các tiếng này được giải thích ở phần Chú thích văn bản). Trong bốn tiếng trên, *nam* có thể dùng độc lập (*phương nam, người miền Nam, ...*). Các tiếng *quốc, sơn, hà* không dùng độc lập mà chỉ làm yếu tố cấu tạo từ ghép (*nam quốc, quốc gia, quốc kì, sơn hà, giang sơn, ...*). Để HS hiểu được thế nào là tiếng dùng độc lập, thế nào là tiếng không dùng độc lập, GV có thể dùng phương pháp so sánh. Ví dụ : So sánh *quốc* với *nước, sơn* với *núi, hà* với *sông* :

Có thể nói : *Cụ là một nhà thơ yêu nước*, không thể nói : *Cụ là một nhà thơ yêu quốc*.

Cũng vậy, có thể nói *trèo núi* mà không thể nói *trèo sơn* ; có thể nói *lội xuống sông* mà không thể nói *lội xuống hà*.

Câu 2 gợi dẫn cho HS hiểu hiện tượng đồng âm của yếu tố Hán Việt.

Thiên trong *thiên niên kỉ, thiên lí mã* có nghĩa là "nghìn", còn *thiên* trong *thiên đò* có nghĩa là "dời".

Từ những gợi dẫn trên đây, GV cho HS rút ra những kết luận như đã nêu ở phần Ghi nhớ.

Hoạt động 2. Tìm hiểu về từ ghép Hán Việt.

Hoạt động này nhằm làm cho HS hiểu được từ ghép Hán Việt cũng có hai loại : từ ghép đẳng lập và từ ghép chính phụ.

Câu hỏi 1 : *sơn hà, xâm phạm, giang san* là những từ ghép đẳng lập.

Câu hỏi 2.a gợi dẫn HS hiểu được trường hợp từ ghép Hán Việt có trật tự yếu tố giống từ ghép thuần Việt : Yếu tố (tiếng) chính đứng trước, yếu tố phụ đứng sau. Riêng từ *thủ môn* có thể có HS chưa hiểu nghĩa của các yếu tố. *Thủ* có nghĩa là "giữ" ; *môn* có nghĩa là "cửa".

Câu hỏi 2.b gợi dẫn HS hiểu được trường hợp từ ghép Hán Việt có trật tự yếu tố khác từ ghép thuần Việt : Yếu tố phụ đứng trước, yếu tố chính đứng sau.

Từ các gợi dẫn trên, GV hướng dẫn HS rút ra hai kết luận đã nêu ở phần Ghi nhớ.

Hoạt động 3. Hướng dẫn HS làm bài tập (trang 70 – 71, SGK).

Tùy thời gian còn lại, các bài tập 1 và 2 làm ở lớp, các bài tập khác có thể làm ở nhà.

IV – GỢI Ý GIẢI BÀI TẬP

Bài tập 1. HS có thể sử dụng từ điển từ Hán Việt để phân tích nghĩa của các yếu tố đồng âm.

Bài tập 2. Làm theo mẫu.

Bài tập 3. Trước hết tìm nghĩa của các yếu tố rồi tìm nghĩa của từ, HS sẽ suy luận ra được đó là loại từ ghép nào, yếu tố nào là yếu tố chính, yếu tố nào là yếu tố phụ.

V – TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Tài Căn, *Nguồn gốc và quá trình hình thành cách đọc Hán Việt*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1979.

2. Phan Ngọc, *Mẹo giải nghĩa từ Hán Việt*, NXB Đà Nẵng, 1991.

3. Phan Văn Các, *Từ điển từ Hán Việt*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1994.

4. Lê Xuân Thại, *Xung quanh vấn đề dạy và học từ Hán Việt*, *Tạp chí Ngôn ngữ*, số 4, 1990.